

Bản án số: 06 /2022/HC-ST

Ngày: 10 - 5 - 2022

V/v khiếu kiện hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;

2. Ông Võ Văn Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HC ngày 13 tháng 4 năm 2021 về khiếu kiện “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HC ngày 19/4/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1943; nơi cư trú: Số 375/8, khóm TK 4, phường M, thành phố L, tỉnh A, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu dân cư BĐ 1, khóm BĐ 1, phường BĐ, thành phố L, tỉnh A (theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh H chứng nhận ngày 17/3/2021), có mặt.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân tỉnh A; trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố L, tỉnh A; vắng mặt lần thứ hai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chùa P; địa chỉ: Số 375/8, khóm TK 4, phường M, thành phố L, tỉnh A;

Đại diện theo pháp luật: Ni trưởng Thích nữ L, thế danh Nguyễn Thị B, sinh năm 1943, trụ trì Chùa P, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện và lời trình bày của người đại diện người khởi kiện – ông Đặng Văn K: Nguồn gốc đất hiện tại xây chùa P tại số 375/8, TK 4, phường M, L, A là của gia đình ông S hiến tặng nhưng gia đình ông có dành lại một phần đất liền kề để ở. Đến tháng 8 năm 2020 gia đình ông S đến cơ quan thẩm quyền kê khai sử dụng đất thì phát hiện Chùa P đã kê khai bao trùm lên một phần diện tích đất gia đình ông S sử dụng khoảng 194,6 m². Ông S có yêu cầu chùa P làm thủ tục tách thửa trả đất lại nhưng đến nay chưa được giải quyết. Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được viết tắt là GCNQSDĐ) số 00193/QSDĐ/Af, thửa số 25, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.676 m² do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp ngày 06/12/2001 cho Chùa P, tọa lạc tại 375/8, TK 4, phường M, thành phố L, tỉnh A, để ông S có yêu cầu cấp lại quyền sử dụng đất đúng theo hiện trạng sử dụng đất.

Người bị kiện UBND tỉnh A không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của người khởi kiện, vắng mặt 2 lần tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Chùa P, bà B thừa nhận trong lời khai ngày 18/5/2021 (BL 68) “... Đến năm 2001, tôi có nguyện vọng cất chùa lớn, khi xây dựng chùa phải có GCNQSDĐ mới được xây dựng, nên tôi thực hiện các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình đo đạc tôi có chỉ dẫn cho cán bộ địa chính đo đạc nhưng tôi không biết đã chỉ luôn phần đất cha mẹ cho ông S”. Đồng thời xác nhận nhà ông S ở hiện nay là nhà của cha mẹ bà và ông S cất từ năm 1960. Sau đó cho lại ông S ở đến nay. Từ năm 1960 đến nay nhà không thay đổi hiện trạng.

Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại do người bị kiện vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ cấp cho Chùa P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp nhận theo yêu cầu của người khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến việc tuân theo đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp cho Chùa P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông S khiếu kiện hủy GCNQSDĐ số 00193/QSDĐ/Af, thửa số 25, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.676 m² do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp ngày 06/12/2001 cho Chùa P. Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh A theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Tháng 8/2020, ông S đến cơ quan có thẩm quyền kê khai cấp QSDĐ thì phát hiện đất đã cấp cho Chùa P. Ngày 17/3/2021, ông S làm đơn khởi kiện, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Về thủ tục tại phiên tòa:

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Người khởi kiện đã cung cấp tài liệu, chứng cứ, theo hồ sơ cấp đất có Đơn xin giao đất, đề ngày 09/8/2001 của bà Nguyễn Thị B – đại diện Chùa P gửi Sở Địa Chính tỉnh; Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ngày 16/8/2001, có những hộ kế cận: Huỳnh Tấn K, Nguyễn Hùng M, Nguyễn Văn L1 và Nguyễn Ngọc S1 ký, được Ủy ban nhân dân xã M ký xác nhận; Biên bản xác minh nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất ngày 22/10/2001 có nội dung xác minh về vị trí, điểm điểm khu đất, nguồn gốc, hiện trạng khu đất - ổn định không tranh chấp bằng kê khai ruộng đất ngày 15/11/2001 của Chùa được ý kiến của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận xã M, thành phố L duyệt ngày 15/11/2001; Tờ trình số 73 ngày 05/11/2001 của Sở Địa chính tỉnh và Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A số 2438/QĐ.CT.UB ngày 13/11/2001 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P.

Xét, người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận rằng khi đăng ký quyền sử dụng đất không rõ việc đo đạc của cán bộ địa chính đã đo vẽ ngoài diện tích đất Chùa, còn có đất của người khởi kiện.

Lời trình bày của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh, được ông Đỗ Xuân Kh, cán bộ địa chính thuộc Ủy ban nhân dân phường M, xác nhận nhà ông S cất trên đất từ rất lâu, không nhớ chính xác (khoảng năm 1960, 1970), cất trước khi Chùa P được cấp GCNQSDĐ (BL72).

Biên bản về việc trao đổi các nội dung liên quan đến đề nghị trả lại đất của Chùa P do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 06/11/2020 có sự tham dự của đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Tôn giáo tỉnh, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố L, Ủy ban nhân dân phường M, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh A, Chùa P, có nội dung: Trao đổi các nội dung liên quan về việc đề nghị trả lại diện tích 194,6 m² đất tại phường M, thành phố L cho hộ dân của Chùa P (BL 17).

Thông tư liên tịch số 1646/2000/TTLT-TCĐC-TGCP ngày 30/10/2000 của Tổng cục Địa chính và Ban Tôn giáo Chính phủ, tại khoản 1 (Về việc cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất), quy định: “Cơ sở tôn giáo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người đại diện hợp pháp chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc sử dụng đất của cơ sở tôn giáo tại địa phương.

Các cơ sở tôn giáo sử dụng đất mà đang có tranh chấp chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã giải quyết xong tranh chấp; đối với đất mà cơ sở tôn giáo đang sử dụng do nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc thuê đất không phù hợp với pháp luật đất đai phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định và phải làm xong thủ tục theo quy định của pháp luật mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Thấy rằng, vào thời điểm cấp GCNQSDĐ không có tranh chấp do người khởi kiện không biết được phần đất mình đang sử dụng lại cấp cho Chùa. Đến khi làm thủ tục đăng ký thì mới phát hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp GCNQSDĐ cho Chùa P là không hợp pháp, xét chấp nhận khiếu kiện của người khởi kiện hủy GCNQSDĐ cấp cho Chùa P như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Mặt khác, ngoài GCNQSDĐ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 2438/QĐ.CT.UB ngày 13/11/2001 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P (BL 60), là quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện, xét hủy quyết định này, theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

Yêu cầu của người khởi kiện chấp nhận, buộc người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí đo đạc 5.500.000 đồng, chi phí tố tụng 300.000 đồng, cộng chung 5.800.000 đồng, người khởi kiện tự nguyện chịu, xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Nguyễn Văn S.

Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00193/QSDĐ/Af, thửa số 25, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.676 m² do Ủy ban nhân dân tỉnh A cấp ngày 06/12/2001 cho Chùa P;

Hủy Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A số 2438/QĐ.CT.UB ngày 13/11/2001 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh A thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ủy ban nhân dân tỉnh A phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Chi phí tố tụng: Người khởi kiện tự nguyện chịu 5.800.000 (Năm triệu tám trăm ngàn) đồng (đã thực hiện xong).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh A;
- Phòng KTNV và THA;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Hồng